

Số: 77 /QĐ-NTĐ

Quận 8, ngày 10 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách, nguồn phí được để lại, nguồn khác 6 tháng đầu năm 2023 của trường THPT chuyên năng khiếu TDTT Nguyễn Thị Định

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG THPT CHUYÊN NĂNG KHIẾU TDTT NGUYỄN THỊ ĐỊNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, cơ sở được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ các Quyết định của Sở Giáo dục và đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Xét đề nghị của bộ phận Kế toán;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nguồn phí được để lại, nguồn khác 6 tháng đầu năm 2023 của Trường THPT chuyên năng khiếu TDTT Nguyễn Thị Định (Theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Ơi nhận:

Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh;

Kế toán (Nghĩa);

ĐB, GV, NV trường THPT chuyên năng khiếu TDTT

Nguyễn Thị Định;

Ưu: VT, TV.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Quang Ninh

on vị: Công ty Cổ phần Mimosa 2020
trung: 422



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ- ... ngày .../.../... của)

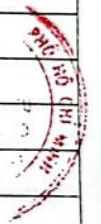
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
	2	3	4	5 = 4-3
	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
	Số thu phí, lệ phí			
	Lệ phí			
	Phí			
	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại			
	Chi sự nghiệp			
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
	Chi quản lý hành chính			
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
1	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước			
	Lệ phí			
2	Phí			
3	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	11.387	11.387	
4	Nguồn ngân sách trong nước	11.387	11.387	
1	Chi quản lý hành chính			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	11.387	11.387	
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	11.387	11.387	
	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
	Chi bảo đảm xã hội			



Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
2	3	4	5 = 4-3
Chỉ nhiệm vụ thường xuyên			
Chỉ nhiệm vụ không thường xuyên			
Hoạt động kinh tế			
Chỉ nhiệm vụ thường xuyên			
Chỉ nhiệm vụ không thường xuyên			
Sự nghiệp bảo vệ môi trường			
Chỉ nhiệm vụ thường xuyên			
Chỉ nhiệm vụ không thường xuyên			
Sự nghiệp văn hóa thông tin			
Chỉ nhiệm vụ thường xuyên			
Chỉ nhiệm vụ không thường xuyên			
Sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
Chỉ nhiệm vụ thường xuyên			
Chỉ nhiệm vụ không thường xuyên			
Sự nghiệp thể dục thể thao			
Chỉ nhiệm vụ thường xuyên			
Chỉ nhiệm vụ không thường xuyên			
Nguồn vốn viện trợ			
Chi quản lý hành chính			
Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
Chi bảo đảm xã hội			
Chi hoạt động kinh tế			
Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
Nguồn vay nợ nước ngoài			
Chi quản lý hành chính			
Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
Chi bảo đảm xã hội			
Chi hoạt động kinh tế			
Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
Chi sự nghiệp thể dục thể thao			



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ- ... ngày .../.../... của)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: Triệu

Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
			Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trí cá
Quyết toán thu					
Tổng số thu	3.297	3.297			
Số thu phí, lệ phí					
Lệ phí					
Phí					
Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	3.297	3.297			
Thu sự nghiệp khác					
Chi từ nguồn thu được để lại	2.911	2.911	738		
Chi từ nguồn thu phí được để lại					
I Chi sự nghiệp					
Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
2 Chi quản lý hành chính					
a Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2 Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	2.911	2.911	738		
3 Hoạt động sự nghiệp khác					
C Số thu nộp NSNN					
I Số phí, lệ phí nộp NSNN					
I.1 Lệ phí					
I.2 Phí					
2 Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
3 Hoạt động sự nghiệp khác					
II Quyết toán chi ngân sách nhà nước	11.387	11.387	10.820		
I Chi quản lý hành chính					
I.1 Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
I.2 Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2 Nghiên cứu khoa học					
2.1 Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					
- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ					
- Nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở					
2.2 Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3 Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	11.387	11.387	10.820		

	Mục đích	Số tiền được cấp quyết toán	Số tiền được duyệt	Chi phí hàng	Mức tăng giảm chi phí	
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	11.387	11.387	10.820		
	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
	Chi bảo đảm xã hội					
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
	Chi hoạt động kinh tế					
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
11	Chi Chương trình mục tiêu					
11.1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia					
11.2	Chi Chương trình mục tiêu					